

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG,  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 27-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đức

2. Bà Nguyễn Thị Văn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Lương Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H (Có mặt), sinh năm 1971

Địa chỉ: bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

*Bị đơn:* Ông Trần Quốc T (Vắng mặt), sinh năm 1980

Địa chỉ: bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn (ông Lê Văn H) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ngày 12/01/2019, ông Lê Văn H có cho ông Trần Quốc T vay số tiền 90.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất là 0,1%/tháng. Khi vay ông T có viết giấy mượn tiền và ký tên. Theo thỏa thuận thì ông T phải thanh toán số tiền gốc cho ông H vào ngày 30/12/2019 nhưng đến hạn ông Thương không trả cho ông H số tiền đã vay. Trong quá trình vay, ông T chưa trả cho ông H khoản tiền lãi theo thỏa thuận. Ông H cũng đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Quốc T trả cho ông H số tiền

gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi kể từ sau ngày 30/12/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo thỏa thuận là 0,1%/tháng.

*Theo lời trình bày của bị đơn (ông Trần Quốc T) trong quá trình giải quyết vụ án:* Ông Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đối với ông Trần Quốc T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc ông Trần Quốc T phải trả cho ông Lê Văn H tổng số tiền là 97.887.000 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi 7.887.000 đồng.

Về án phí dân sự: Ông Trần Quốc T phải chịu số tiền 4.894.000 đồng án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H số tiền 2.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc T phải thanh toán khoản tiền vay chưa thanh toán và khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tiền nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn đăng ký thường trú và sinh sống tại bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã tổng đạt họp lệ để có mặt tại phiên tòa nhưng ông T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

### 2.1. Về số tiền nợ gốc đã vay và thời hạn trả nợ:

Xét chứng cứ “Giấy mượn tiền” đề ngày 12/01/2019 do nguyên đơn cung cấp thể hiện: ngày 12/01/2019 ông Trần Quốc T có vay của ông Lê Văn H số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 30/12/2019 nên giữa ông H và ông T có giao dịch vay mượn tiền trên thực tế.

Theo trình bày của ông H quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T chưa thanh toán khoản tiền gốc và khoản tiền lãi nào cho ông H. Đến hạn trả nợ ông H đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T không trả nợ. Do đó, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo quy định khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”*

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có việc giao kết hợp đồng vay tiền, hình thức và nội dung thỏa thuận việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; đến thời hạn trả nợ thì bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận đã giao kết. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ 90.000.000 đồng là phù hợp và cần chấp nhận.

### 2.2. Về khoản tiền lãi phải thanh toán:

Ông H yêu cầu ông T phải trả khoản tiền lãi đối với số nợ gốc chưa thành toán từ ngày 12/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/6/2024 (05 năm 05 tháng 16 ngày) với mức lãi suất 0,1%/tháng với số tiền là 7.887.000 đồng. Theo giấy mượn tiền thể hiện các bên thỏa thuận lãi suất 0,1%/tháng, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái quy định của pháp luật. Trong quá trình vay, ông T chưa trả cho ông H khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền. Đến thời hạn trả nợ ngày 30/12/2019 ông T không trả cho ông H số tiền gốc đã vay nên sau ngày 30/12/2019 khoản nợ gốc này chuyển sang nợ quá hạn và ông T phải chịu lãi suất quá hạn; tuy nhiên, ông H chỉ yêu cầu ông T phải thanh toán khoản tiền lãi sau ngày 30/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng với mức lãi suất trong hạn (0,1%/tháng). Hội đồng xét thấy yêu cầu của ông H về khoản tiền lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật và cần chấp nhận số tiền lãi ông T phải trả cho ông Hùng là 7.887.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được

chấp nhận toàn bộ (số tiền 97.887.000 đồng) nên bị đơn phải chịu số tiền 4.894.000 đồng án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H số tiền 2.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Lê Văn H) đối với bị đơn (ông Trần Quốc T) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc ông Trần Quốc T phải thanh toán cho ông Lê Văn H tổng số tiền là 97.887.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn*), trong đó: tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 7.887.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc T phải chịu số tiền 4.894.000 (*Bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn*) đồng án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H số tiền 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001880 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Trung Dũng**